

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**
Số: 54/2025/QĐST-DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Hải Hậu, ngày 08 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc: “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án”

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 20/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu:*** Bà Trần Thị B, sinh năm 1976, địa chỉ: Xóm E, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Ông Trần Văn D, sinh năm 1973 và bà Trần Thị H, sinh năm 1975, địa chỉ: Xóm D, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giả quyết việc dân sự đề ngày 18 tháng 02 năm 2025, bản tự khai, Bà Trần Thị B trình bày:

Ngày 09/10/2023 Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đã ra Quyết định công nhận kết quả hoà giải thành tại Toà án số 74/2023/QĐCNHGT-DS về việc buộc bà Trần Thị H phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Trần Thị B số tiền 530.000.000 đồng (Năm trăm ba mươi triệu đồng) trong đó tiền nợ gốc là 480.000.000 đồng cộng tiền lãi là 50.000.000 đồng và 229.520.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu năm trăm hai mươi nghìn) tương đương với 40 chỉ vàng 9999

(Bốn mươi chỉ vàng bốn số chín); tổng là 759.520.000 đồng (B1 trăm năm mươi chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng). Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, bà B đã làm đơn đề nghị thi hành án do bà Trần Thị H không tự nguyện thi hành án.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đã xác minh điều kiện thi hành của bà Trần Thị H và chồng là ông Trần Văn D. Về tài sản, vợ chồng bà H, ông D có khối tài sản chung gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 84, tờ bản đồ số 37 xã H (tờ số 12 xã H cũ) diện tích 125m² đất ở; thửa đất số 155, tờ bản đồ số 32 xã H (tờ số 7 xã H cũ) diện tích 193 m² đất lúa; thửa đất số 404, tờ bản đồ số 37 xã H (tờ số 12 xã H cũ) diện tích 113 m² trong đó có 80 m² đất ở và 33 m² đất lúa và 01 xe ô tô biển kiểm soát 18A – 20641.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đã ra các thông báo thi hành án số 419/TB-THA ngày 11/12/2023 và số 58/TB-THA ngày 23/01/2024 để thông báo cho bà Trần Thị H – người phải thi hành án và ông Trần Văn D – người có quyền sở hữu chung tài sản với bà Trần Thị H về việc thỏa thuận chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung. Tuy nhiên, bà H, ông D không tự nguyện thỏa thuận hay yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng.

Do đó, bà Trần Thị B đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án đối tài sản chung của bà Trần Thị H và ông Trần Văn D trong khối tài sản sau: Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với quyền sử dụng thửa đất số 84, tờ bản đồ số 37 xã H (tờ số 12 xã H cũ) diện tích 125m² đất ở, vị trí nhà đất tại xóm D, xã H; thửa đất số 155, tờ bản đồ số 32 xã H (tờ số 7 xã H cũ) diện tích 193m² đất lúa và thửa đất số 404, tờ bản đồ số 37 xã H (tờ số 12 xã H cũ) diện tích 113m² (gồm 80m² đất ở và 33 m² đất lúa), vị trí tại xóm C, xã H, huyện H là tài sản chung của vợ chồng ông Trần Văn D và bà Trần Thị H đề bà B yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu thi hành khoản tiền mà bà Trần Thị H phải trả cho bà B.

Tại bản tự khai ngày 20/3/2025, bà Trần Thị H trình bày: Bà H công nhận nợ bà Trần Thị B số tiền 759.520.000 đồng (B1 trăm năm mươi chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) như trong Quyết định số 74/2023/QĐCNHGT-DS của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đã nêu. Do hiện nay kinh tế khó khăn nên bà H xin được trả nợ dần hàng tháng. Đối với các tài sản mà bà B kê khai, bà H công nhận là tài sản chung của vợ chồng và là nơi sinh hoạt của gia đình bà H.

Kết quả xác minh tại cơ sở xóm C, xóm D và UBND xã H thể hiện: Vợ chồng bà Trần Thị H, ông Trần Văn D có khối tài sản chung như bà B kê khai. Hiện ông

D, bà H đang sinh sống tại nhà, đất thuộc thửa đất số 84, tờ số 37 tại xóm D, xã H. Đến nay, ông D, bà H chưa có biến động gì đối với các tài sản này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ việc:

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên họp, Thẩm phán và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ: Điều 213, Điều 219 của Bộ luật Dân sự; Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 74 Luật Thi hành án dân sự căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị B;

Xác định: Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với quyền sử dụng thửa đất số 84, tờ bản đồ số 37 xã H (tờ số 12 xã H cũ) diện tích 125m² đất ở, vị trí nhà đất tại xóm D, xã H; thửa đất số 155, tờ bản đồ số 32 xã H (tờ số 7 xã H cũ) diện tích 193m² đất lúa và thửa đất số 404, tờ bản đồ số 37 xã H (tờ số 12 xã H cũ) diện tích 113m² (gồm 80m² đất ở và 33 m² đất lúa), đều có vị trí tại xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định là tài sản chung của vợ chồng ông Trần Văn D và bà Trần Thị H; Xác định bà Trần Thị H được ½ quyền sử dụng, quyền sở hữu đối với các tài sản này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị B là người yêu cầu có đơn xin giải quyết vắng mặt; bà Trần Thị H, ông Trần Văn D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt bà B, bà H, ông D.

[2] Về nội dung: Theo Quyết định công nhận kết quả hoà giải thành tại Tòa án số 74/2023/QĐCNHGT-DS ngày 09/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu thể hiện: Bà Trần Thị H phải có trách nhiệm trả nợ bà Trần Thị B số tiền 530.000.000 đồng (Năm trăm ba mươi triệu đồng) trong đó tiền nợ gốc là 480.000.000 đồng cộng tiền lãi là 50.000.000 đồng và 229.520.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu năm trăm hai mươi nghìn) tương đương với 40 chỉ vàng 9999 (Bốn mươi chỉ vàng bốn số chín); tổng là 759.520.000 đồng (Bảy trăm năm mươi chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng). Do bà H không tự nguyện thi hành án nên bà B đã nộp đơn yêu cầu thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu theo quy định tại Điều 7 Luật Thi hành án dân sự năm 2014

[2.1] Quá trình thi hành án, xác định được bà Trần Thị H và chồng là ông Trần Văn D có khối tài sản chung gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 84, tờ bản đồ số 37 xã H (tờ số 12 xã H cũ) diện tích 125m² đất ở; thửa đất số 155, tờ bản đồ số 32 xã H (tờ số 7 xã H cũ) diện tích 193 m² đất lúa; thửa đất số 404, tờ bản đồ số 37 xã H (tờ số 12 xã H cũ) diện tích 113 m² trong đó bao gồm 80 m² đất ở và 33 m² đất lúa và 01 xe ô tô biển kiểm soát 18A – 20641 nên bà B có đơn yêu cầu Tòa án xác định, phân chia tài sản chung gồm: Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với quyền sử dụng các thửa đất nêu trên của bà H, ông D để thi hành án đối với khoản tiền nợ là phù hợp với quy định tại Điều 74 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

[2.2] Theo các tài liệu có trong hồ sơ địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H thể hiện:

Thửa đất số 84, tờ bản đồ số 37 xã H diện tích 125m² đất ở, vị trí thửa đất tại xóm D, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*viết tắt QSDĐ*) số AO 278306 do UBND huyện H cấp ngày 05/5/2009 tên bà Trần Thị H, ông Trần Văn D. Nguồn gốc là do thừa kế và nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Thửa đất số 155, tờ bản đồ số 32 xã H diện tích 193 m² đất lúa, vị trí thửa đất tại xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; GCNQSDĐ số CY 993755 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 14/01/2021 tên bà Trần Thị H, ông Trần Văn D. Nguồn gốc thửa đất do vợ chồng bà H, ông D nhận chuyển nhượng của ông Vũ Việt T, sinh năm 1962, bà Phạm Thị M sinh năm 1973 vào năm 2020.

Thửa đất số 404, tờ bản đồ số 37 xã H diện tích 113 m² (trong đó: 80 m² đất ở, 33 m² đất lúa), vị trí thửa đất tại xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; GCNQSDĐ số CR 398986 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 27/12/2019 tên bà Trần Thị H, ông Trần Văn D. Nguồn gốc thửa đất là của bà Trần Thị L (mẹ bà H) tách (thửa số 46 tờ bản đồ số 37) tặng cho bà H, ông D 113m² đất LUC từ năm 2011. Năm 2018 vợ chồng bà H, ông D đã chuyển đổi mục đích sử dụng 80m² đất LUC thành đất ở.

[2.3] Tại biên bản định giá tài sản ngày 13/12/2024 và biên bản làm việc ngày 10/3/2025 tại UBND xã H: Vợ chồng bà Trần Thị H và ông Trần Văn D có khối tài sản chung gồm: Thửa đất số 84, tờ bản đồ số 37 xã H diện tích 125m² đất ở vị trí tại xóm D, xã H, trên đất có 01 nhà mái bằng hai tầng công trình phụ liền kề và 01 nhà mái bằng 01 tầng do vợ chồng ông D, bà H xây dựng và đang sử dụng; Thửa đất số 155, tờ bản đồ số 32 xã H diện tích 193 m² đất lúa và thửa đất số 404, tờ bản đồ số 37 xã H diện tích 113 m² (trong đó: 80 m² đất ở, 33 m² đất lúa), đều có vị trí tại xóm C, xã H, trên hai thửa đất không có tài sản.

[2.4] Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị H xác định các tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng bà và ông D. Ông D không có ý kiến gửi đến Tòa án về việc xác định quyền sử dụng, quyền sở hữu đối với các tài sản trên.

[2.5] Từ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của các đương sự, căn cứ Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là nhà và các công trình trên thửa đất số 84, tờ bản đồ số 37 xã H (tờ số 12 xã H cũ) diện tích 125m² đất ở tại xóm D, xã H; thửa đất số 155, tờ bản đồ số 32 xã H (tờ số 7 xã H cũ) diện tích 193m² đất lúa và thửa đất số 404, tờ bản đồ số 37 xã H (tờ số 12 xã H cũ) diện tích 113m² (gồm 80m² đất ở và 33 m² đất lúa), vị trí tại xóm C, xã H, huyện H là tài sản chung của vợ chồng ông Trần Văn D và bà Trần Thị H. Xác định giá trị tài sản mà ông D, bà H được hưởng được là như nhau và bằng 1/2 tổng giá trị các tài sản nêu trên. Do đó khẳng định yêu cầu của bà B là có cơ sở chấp nhận; phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên họp.

[3] Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị B phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 9 Điều 27, Điều 35, Điều 39, Điều 149, Điều 370, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213, Điều 219 của Bộ luật Dân sự; Điều 74 Luật thi hành án dân sự; khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14/30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị B;

Xác định các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là nhà và các công trình trên thửa đất số 84, tờ bản đồ số 37 xã H (tờ số 12 xã H cũ) diện tích 125m² đất ở tại xóm D, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định theo giấy chứng nhận QSDĐ số AO 278306 do UBND huyện H cấp ngày 05/5/2009; Quyền sử dụng thửa đất số 155, tờ bản đồ số 32 xã H (tờ số 7 xã H cũ) diện tích 193m² đất lúa tại xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định, giấy chứng nhận QSDĐ số CY 993755 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 14/01/2021 và quyền sử dụng thửa đất số 404, tờ bản đồ số 37 xã H (tờ số 12 xã H cũ) diện tích 113m² (trong đó: 80 m² đất ở, 33 m² đất lúa) tại xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định, giấy chứng nhận QSDĐ số CR 398986 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 27/12/2019 - các thửa đất đều đứng tên bà Trần Thị H, ông Trần Văn D là tài sản thuộc quyền sở hữu chung của vợ chồng bà Trần Thị H và ông Trần Văn D; trong đó phần quyền sở hữu, quyền sử dụng của bà Trần Thị H được xác định bằng 1/2 giá trị các tài sản trên.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Trần Thị B phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0000359 ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Bà Trần Thị B đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Quyết định giải quyết việc dân sự trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc kể từ ngày Quyết định được thông báo, niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- UBND xã Hải Hưng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nguyễn Thị Thanh Xuân